

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **233/2020/HNGĐ-ST**.
Ngày: 13/7/2020.
V/v tranh chấp: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Huỳnh Thị Mỹ Hà**;

2. Ông: **Nguyễn Văn Vui**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông **Trịnh Thanh Dũ** – kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mời lại phiên tòa số 06/2020/TB-TA ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đình Hoàng K** – sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Chị **Trương Nguyễn Thanh L** - sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, nguyên đơn anh Đình Hoàng K trình bày:

Anh và chị Trương Nguyễn Thanh L cưới nhau vào năm 2004, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L

có quan hệ với người đàn ông khác và đã có con riêng nên anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Ngọc Tường V – sinh ngày xx/xx/xxxx và Đinh Hoàng L – sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện 02 cháu đang sống với anh. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Trương Nguyễn Thanh L vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Đinh Hoàng K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Trương Nguyễn Thanh L vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[2] Xét bị đơn chị Trương Nguyễn Thanh L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mời lại phiên tòa nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị L cưới nhau vào năm 2004, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L có quan hệ với người đàn ông khác và đã có con riêng nên anh K và chị L đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị L không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị L vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của anh K. Điều đó cho thấy chị L

không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến chồng và con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Đinh Hoàng K.

[4] Về con chung: Anh K khai có 02 con chung tên Đinh Ngọc Tường V – sinh ngày xx/xx/xxxx và Đinh Hoàng L – sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện 02 cháu đang sống với anh. Khi ly hôn anh K xin được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh H là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cho anh K được tiếp tục nuôi cháu V và cháu L. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Hoàng K. Anh Đinh Hoàng K được ly hôn với chị Trương Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Giao anh Đinh Hoàng K được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Đinh Ngọc Tường V – sinh ngày xx/xx/xxxx và Đinh Hoàng L – sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Đinh Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí HNST, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017555 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên anh Khanh đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cao Tuấn